

Bản án số: 37/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 04/9/2024

"Về việc Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH MIỆN - HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Đào Quang Khuyên.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hoài, bà Nguyễn Thị Khánh.

- Thư ký phiên toà: Ông Bùi Hoàng Anh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thanh Miện.

- Đại diện VKSND huyện Thanh Miện tham gia phiên toà: Bà An Thị Hà T

- Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 9 năm 2024, tại Trụ sở Toà án, Toà án nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 112/2024/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2024 về việc ly hôn, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2024; Quyết định hoãn phiên toà số 19/2024/QĐST-HNGĐ ngày 18/8/2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị **Bùi Thị Thu H** - sinh năm 2003

Nơi cư trú: Thôn G, xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương.

- *Bị đơn*: Anh **Lê Văn M** - sinh năm 1997

Nơi cư trú: Thôn N, xã N, huyện T, tỉnh Hải Dương.

Chị H có đơn xin xét xử vắng mặt, anh M vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, quá trình khai tại Toà án và các tài liệu khác có tại hồ sơ, nguyên đơn chị Bùi Thị Thu H trình bày: Chị và anh Lê Văn M tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Hải Dương ngày 02/08/2023. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hoà thuận, hạnh phúc được 01 tháng thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không có tiếng nói chung dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau. Mâu thuẫn căng thẳng nhất từ tháng 9/2023 chị đã bỏ về nhà đẻ ở, từ đó chị không về chung sống cùng anh M nữa, sau khi chị bỏ đi anh M có đến tìm chị, hai bên gia đình không gặp nhau lần nào, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay không quan tâm đến nhau. Trong thời gian sống ly thân vợ chồng không có biện pháp nào để khắc phục mâu thuẫn. Nay chị xác định tình cảm giữa chị và anh M không còn, không thể hàn gắn được, mâu thuẫn đã trầm trọng đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị khởi kiện ly hôn, đề nghị Toà án nhân dân huyện Thanh Miện giải quyết cho chị được ly hôn anh M để hai bên ổn định cuộc sống riêng.

Về con chung: Chị và anh M chưa có con chung. Về tài sản chung, vay nợ, công sức: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình làm việc với Tòa án và các tài liệu khác có tại hồ sơ, bị đơn anh Lê Văn M trình bày: Anh xác định về điều kiện, thời gian kết hôn thống nhất như phần trình bày của chị H. Sau khi cưới được một tháng thì chị H có bỏ về nhà đẻ ở và từ đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do không đồng quan điểm. Tháng 9/2023 anh và chị H lên Hà Nội sinh sống được 06 tháng, đến tháng 3/2024 thì mâu thuẫn căng thẳng, chị H đã bỏ về quê nhưng hai bên vẫn qua lại, vợ chồng sống ly thân từ tháng 6/2024 đến nay. Chị H xin ly hôn anh chưa đồng ý ly hôn vì anh và chị H còn có một số vướng mắc về tình cảm, đạo lý con người chưa đạt được chung quan điểm rõ ràng nên anh chưa đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh và chị H chưa có con chung. Về tài sản chung, vay nợ, công sức: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Lời khai của người thân gia đình chị H là bà Ngô Thị L xác định: Bà là mẹ đẻ của chị Bùi Thị Thu H. Sau khi anh M, chị H kết hôn được 01 tháng thì chị H và anh M đã phát sinh mâu thuẫn. Tháng 9/2024 chị H đã bỏ về chung sống cùng gia đình bà và vợ chồng sống ly thân từ đó không quan tâm đến nhau. Chị H xin ly hôn anh M, bà đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của chị H. Anh M, chị H chưa có con chung. Quá trình chung sống anh M, chị H không có công sức đóng góp gì với ông bà.

Lời khai của người thân gia đình anh M là bà Vũ Thị L1 xác định: Bà là mẹ đẻ của anh Lê Văn M, sau khi anh M, chị H kết hôn được 16 ngày thì vợ chồng bắt đầu mâu thuẫn, chị H đã bỏ về nhà đẻ ở, bà đã đến tìm chị H, sau khi chị H về nhà bà được 01 tuần thì chị H lên Hà Nội làm ăn sau đó không về chung sống cùng anh M tại nhà bà nữa. Nay chị H xin ly hôn anh M, do anh chị tự quyết định. Anh M, chị H chưa có con chung. Quá trình chung sống anh M, chị H không có công sức đóng góp với ông bà.

Kết quả làm việc, xác minh tại chính quyền địa phương và các đoàn thể xã N có ý kiến: Anh M, chị H có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện T ngày 02/08/2023. Trong thời gian chung sống anh M, chị H có mâu thuẫn. Việc mâu thuẫn giữa anh M, chị H cụ thể như thế nào, địa phương không nắm được, khi mâu thuẫn anh chị không mời địa phương và các đoàn thể hoà giải. Chị H xin ly hôn anh M, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn đều vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật. Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký Tòa án và Hội đồng xét xử đã thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định, bị đơn chấp hành không đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Bùi Thị Thu H được ly hôn anh Lê Văn M.

Về con chung: Chưa có con chung, không phải giải quyết.

Về tài sản chung, vay nợ, công sức: Chị Bùi Thị Thu H, anh Lê Văn M, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về án phí: Buộc chị Bùi Thị Thu H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Chị Bùi Thị Thu H là nguyên đơn có đơn khởi kiện xin ly hôn anh Lê Văn M là bị đơn; Nơi cư trú: thôn N, xã N, huyện T, tỉnh Hải Dương; Quan hệ pháp luật là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Theo điểm a khoản 1 Điều 35, điều a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương. Chị Bùi Thị Thu H nộp đơn khởi kiện, Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng trình tự tố tụng dân sự. Quá trình thu thập chứng cứ anh M đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh M không hợp tác và không chấp hành giấy triệu tập, thông báo của Tòa án. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ và niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định, tại phiên tòa lần thứ hai anh M vẫn vắng mặt không có lý do, chị H có đơn đề nghị xin xét xử vắng mặt. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự để tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2]. *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Bùi Thị Thu H và anh Lê Văn M kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện T, tỉnh Hải Dương ngày 02/08/2023. Cả hai bên đều đã đủ tuổi, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ khi đăng ký kết hôn. Đây là hôn nhân hợp pháp. Trình bày của chị H phù hợp với lời khai của anh M và lời trình bày của người thân hai bên gia đình, nên có cơ sở xác định trong quá trình chung sống, chị H, anh M có xảy ra mâu thuẫn, dẫn đến vợ chồng có cãi vã nhau, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, vợ chồng sống ly thân từ tháng 9/2023, không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Chị H xác định tình cảm giữa chị và anh M không còn, không thể hàn gắn được, chị đề nghị được ly hôn anh M. Anh M xác định anh chưa đồng ý ly hôn vì anh và chị H còn một số vướng mắc về tình cảm, đạo lý con người chưa đạt được chung quan điểm rõ ràng nên anh chưa đồng ý ly hôn. Trong thời gian sống ly thân anh M, chị H không có biện pháp nào để cải thiện mối quan hệ vợ chồng và cũng không nhờ họ hàng, bạn bè của hai bên gia đình và các đoàn thể của thôn xã hoà giải, khi Tòa án báo gọi hoà giải và khi xét xử anh M không chấp hành, chứng tỏ anh M không có thiện trí để hàn gắn mối quan hệ vợ chồng nên anh không hợp tác với Tòa án. Nhận thấy hôn nhân giữa chị H và anh M đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cần chấp nhận nguyện vọng xin ly hôn của chị H được ly hôn M. Vì vậy xử cho chị Bùi Thị Thu H được ly hôn Lê Văn M là phù hợp quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung:* Chị Bùi Thị Thu H và anh Lê Văn M chưa có con chung nên không phải giải quyết.

[4] *Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp*: Chị Bùi Thị Thu H và anh Lê Văn M, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

[5] *Về án phí*: Chị Bùi Thị Thu H khởi kiện vụ án Hôn nhân và gia đình nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Luật phí, lệ phí, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Xử cho chị Bùi Thị Thu H được ly hôn anh Lê Văn M.

2- *Về con chung*: Chưa có, không phải giải quyết.

3- *Về tài sản chung, vay nợ, công sức đóng góp*: Không xem xét giải quyết.

4. *Về án phí*: Chị Bùi Thị Thu H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng, chị đã nộp theo biên lai ký hiệu: BLTU/23 số: 0001714 ngày 02/7/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương, chị H đã thực hiện xong nghĩa vụ về án phí ly hôn sơ thẩm.

5. *Về quyền kháng cáo*: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo Bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thanh Miện;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Thanh Miện;
- UBND xã Ngũ Hùng, huyện Thanh Miện;
(để ghi vào sổ hộ tịch).
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đào Quang Khuyến

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đào Quang Khuyến